

Bản án số: 53/2025/DS-ST
Ngày: 15-8-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm My.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hưng;
2. Bà Nguyễn Thị Bé Em.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hoa Hạ - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long.

Ngày 15 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 137/2025/TLST - DS ngày 21 tháng 4 năm 2025 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXXST-DS, ngày 11 tháng 7 năm 2025, giữa:

1. Nguyên đơn:

Bà Nguyễn Kim Hồng L, sinh năm 1983; hộ khẩu thường trú: Số A, đường T, phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (nay là phường Đ, tỉnh Đồng Tháp). Chỗ ở hiện nay: Số A, ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là phường S, tỉnh Vĩnh Long).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo văn bản ủy quyền ngày 29/7/2025):

Ông Phạm Chiêu B, sinh năm 1995; nơi cư trú: Số D, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nghiêm Thanh T, sinh năm 1983; nơi cư trú: Số H, ấp B, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường S, tỉnh Vĩnh Long).

2.2. Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1983; nơi cư trú: Số G, ấp B, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường B, tỉnh Vĩnh Long).

(Ông B có yêu cầu giải quyết vắng mặt; ông T, bà L1 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 15/6/2022, bà L có cho vợ chồng ông Nghiêm Thanh T và bà Nguyễn Thị L1 vay số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), lãi suất hai bên tự thỏa thuận, thời hạn vay tiền là 15 ngày kể từ ngày hợp đồng này được công chứng, hai bên có lập hợp đồng vay tiền được Văn phòng C công chứng ngày 15/6/2022. Đến thời hạn trả tiền vay bà L yêu cầu vợ chồng ông T, bà L1 trả tiền thì ông T, bà L1 hứa mà không thực hiện.

Vì vậy, nay bà L yêu cầu ông T và bà L1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L số tiền nợ gốc là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) và tính lãi suất 10%/năm từ ngày 01/7/2022 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án (ngày 15/8/2025) là 62.490.000 đồng. Tổng cộng tiền gốc và lãi là 262.490.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nghiêm Thanh T và bà Nguyễn Thị L1 vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được Tòa án xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông T có nơi cư trú tại xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường S, tỉnh Vĩnh Long) và bà L1 có nơi cư trú tại xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường B, tỉnh Vĩnh Long) nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nghiêm Thanh T và bà Nguyễn Thị L1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và phiên hòa giải nhưng ông T và bà L1 không có

mặt, vụ án không tiến hành mở phiên hòa giải được và tại phiên tòa ông T và bà L1 vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T và bà L1 là phù hợp.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Nguyên đơn bà L cho rằng vào ngày 15/6/2022, bà có cho ông Nghiêm Thanh T và bà Nguyễn Thị L1 vay số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), hai bên có lập hợp đồng vay tiền được Văn phòng C công chứng, lãi suất hai bên tự thỏa thuận, thời hạn vay tiền là 15 ngày kể từ ngày hợp đồng này được công chứng. Sau khi vay tiền, ông T và bà L1 không trả tiền vay cho bà theo thỏa thuận. Căn cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Hợp đồng vay tiền ngày 15/6/2022.

Xét “Hợp đồng vay tiền được Văn phòng C công chứng ngày 15/6/2022” có nội dung:

“Điều 1: Bên cho vay (Bên A) bà Nguyễn Kim Hồng L cho bên vay (Bên B) ông Nghiêm Thanh T và bà Nguyễn Thị L1 vay số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), phương thức giao tiền: bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản;

Điều 2: Thời hạn vay là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày hợp đồng này được công chứng;

Điều 3: Mục đích vay: bên B dùng vào mục đích riêng;

Điều 4: Lãi suất do hai bên tự thỏa thuận;

Điều 5: Phương thức hoàn trả tiền vay: Trả một lần khi hợp đồng hết hạn.

Bên vay “Nghiêm Thanh T và Nguyễn Thị L1 ký tên xác nhận nội dung đã nhận đủ số tiền (200.000.000đ) hai trăm triệu đồng””.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hai bên tự nguyện ký kết hợp đồng, hợp đồng được công chứng theo quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý, ràng buộc quyền và nghĩa vụ đối với các bên. Căn cứ vào khoản 1 Điều 351 của Bộ luật Dân sự quy định trách nhiệm dân sự do vi phạm nghĩa vụ: “Bên có nghĩa vụ mà vi phạm nghĩa vụ thì phải chịu trách nhiệm dân sự đối với bên có quyền. Vi phạm nghĩa vụ là việc bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ đúng thời hạn, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nội dung của nghĩa vụ”; khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự quy định nghĩa vụ trả nợ của bên vay: “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn,...”. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T và bà L1 đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho bà L là

đã vi phạm theo thỏa thuận tại Điều 5 của Hợp đồng vay tiền mà hai bên đã ký kết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho ông T và bà L1 thông báo về việc thụ lý vụ án; trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ cho ông T và bà L1 thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, trong đó có thể hiện Hợp đồng vay tiền ngày 15/6/2022, nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án ông T và bà L1 không có gửi đến Tòa án văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn bà L cũng như việc ông T và bà L1 có hay không có vay tiền của bà L. Như vậy, ông T và bà L1 đã không thực hiện quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 72, Điều 199 của Bộ luật Tố tụng dân sự; trong khi chứng cứ nguyên đơn cung cấp thể hiện rõ nội dung ông T và bà L1 có vay của bà L số tiền 200.000.000 đồng vào ngày 15/6/2022 và nay ông T và bà L1 còn nợ bà L số tiền 200.000.000 đồng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định ông T và bà L1 còn nợ bà L số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng. Vì vậy, buộc ông T và bà L1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng.

[4.2] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Sau khi vay tiền đến thời hạn trả tiền nhưng ông T và bà L1 không trả đúng hạn là vi phạm nghĩa vụ trả tiền của bên vay theo Điều 466 của Bộ luật Dân sự, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bên cho vay. Do đó, nguyên đơn yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 10%/năm kể từ ngày 01/7/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm vụ án (ngày 15/8/2025) với số tiền lãi là 62.490.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận.

Như vậy tổng số tiền gốc và lãi ông T và bà L1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L là 262.490.000 đồng.

[5] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án.

Ông T và bà L1 phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 13.124.500 đồng (262.490.000 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các điều 147, 207, 208, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 351, 463, 466, 357, 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim Hồng L đối với ông Nghiêm Thanh T và bà Nguyễn Thị L1 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Cụ thể:

Buộc ông Nghiêm Thanh T và bà Nguyễn Thị L1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Kim Hồng L tổng số tiền là 262.490.000 đồng (hai trăm sáu mươi hai triệu, bốn trăm chín mươi nghìn đồng), trong đó tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi là 62.490.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nghiêm Thanh T và bà Nguyễn Thị L1 phải có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 13.124.500đ (mười ba triệu, một trăm hai mươi bốn nghìn, năm trăm đồng), nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Kim Hồng L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.500.000đ (sáu triệu, năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011406 ngày 18/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Vĩnh Long).

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 5 - Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diễm My